

Số: 4767 /QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc nâng bậc lương, tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009; Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 và Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5906/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quy chế nâng bậc lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được ban hành kèm theo Quyết định số 1814 /QĐ-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã được sửa đổi, bổ sung tại và Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nâng bậc lương, tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với các viên chức và người lao động của Học viện có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và viên chức, người lao động có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ NN và MT (để b/c);
- Lưu VT, TCCB.



Nguyễn Thị Lan



**DANH SÁCH VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG
ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG, PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG**

(Kèm theo Quyết định số 4767 /QĐ-HVN ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Họ đệm Tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú	
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu					Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau
I	Viên chức và người lao động được nâng bậc lương thường xuyên																				
1	Nguyễn Mai	Thom	1968		Tiến sĩ	V.07.01.02	4	5.42			01/10/2023	V.07.01.02	5	5.76			01/10/2026	1	0.340	860,200	
2	Trần Thanh	Hải	1983		Thạc sĩ	01.003	6	3.99			01/10/2023	01.003	7	4.32			01/10/2026	1	0.330	834,900	
3	Nguyễn Thị Dương	Huyền		1983	Tiến sĩ	V.07.01.03	6	3.99			01/10/2023	V.07.01.03	7	4.32			01/10/2026	1	0.330	834,900	
4	Dương Thu	Hương		1984	Tiến sĩ	V.07.01.03	7	4.32			01/10/2023	V.07.01.03	8	4.65			01/10/2026	1	0.330	834,900	
5	Bùi Thị	Bích		1980	Thạc sĩ	V.05.02.07	8	4.65			01/10/2023	V.05.02.07	9	4.98			01/10/2026	1	0.330	834,900	
6	Nguyễn Thái	Học	1979		Tiến sĩ	V.07.01.03	7	4.32			01/10/2023	V.07.01.03	8	4.65			01/10/2026	1	0.330	834,900	
7	Đỗ Hữu	Duật	1981		Thạc sĩ	V.05.02.07	5	3.66			01/10/2023	V.05.02.07	6	3.99			01/10/2026	1	0.330	834,900	
8	Trần Thị Thuý	An		1982	Đại học	V.05.02.07	6	3.99			01/10/2023	V.05.02.07	7	4.32			01/10/2026	1	0.330	834,900	
9	Phạm Văn	Hùng	1963		Tiến sĩ	V.07.01.01	4	7.28			01/10/2023	V.07.01.01	5	7.64			01/10/2026	1	0.360	910,800	
10	Phan Thị Thu	Phương		1983	Đại học	01.003	5	3.66			01/10/2023	01.003	6	3.99			01/10/2026	1	0.330	834,900	
11	Lê Minh	Nguyệt		1975	Thạc sĩ	V.07.01.02	3	5.08			01/10/2023	V.07.01.02	4	5.42			01/10/2026	1	0.340	860,200	
12	Nguyễn Thị Thanh	Hương		1982	Đại học	V.05.02.07	6	3.99			01/10/2023	V.05.02.07	7	4.32			01/10/2026	1	0.330	834,900	
13	Nguyễn Thị	Hồng		1993	Thạc sĩ	V.05.02.07	3	3.00			01/10/2023	V.05.02.07	4	3.33			01/10/2026	1	0.330	834,900	
14	Nguyễn Quốc	Trung	1981		Thạc sĩ	V.07.01.03	6	3.99			01/10/2023	V.07.01.03	7	4.32			01/10/2026	1	0.330	834,900	
15	Phan Thị	Hiền		1982	Thạc sĩ	V.05.02.07	5	3.66			01/10/2023	V.05.02.07	6	3.99			01/10/2026	1	0.330	834,900	

STT	Họ tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú	
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu					Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau
16	Nguyễn Ngọc Tuấn		1976		Tiến sĩ	V.07.01.03	8	4.65			01/10/2023	V.07.01.03	9	4.98			01/10/2026	1	0.330	834,900	
17	Phạm Thị Lam Hồng		1975		Thạc sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/10/2023	V.07.01.02	3	5.08			01/10/2026	1	0.340	860,200	
18	Ngô Quang Long		1983		Đại học	V.05.02.08	9	3.46			01/10/2024	V.05.02.08	10	3.66			01/10/2026	1	0.200	506,000	
19	Trần Quang Trung		1974		Tiến sĩ	V.07.01.01	3	6.92			17/10/2023	V.07.01.01	4	7.28			17/10/2026	1	0.360	910,800	
20	Vũ Thị Trang		1978		Thạc sĩ	V.06.031	6	3.99			01/10/2023	V.06.031	7	4.32			01/10/2026	1	0.330	834,900	
21	Lê Thị Thu Hằng		1977		Thạc sĩ	01.003	8	4.65			01/10/2023	01.003	9	4.98			01/10/2026	1	0.330	834,900	
22	Nguyễn Thái Sơn		1977		Đại học	01.003	6	3.99			01/10/2023	01.003	7	4.32			01/10/2026	1	0.330	834,900	
23	Nguyễn Đình Thi		1965		Tiến sĩ	V.07.01.02	5	5.76			01/10/2023	V.07.01.02	6	6.10			01/10/2026	1	0.340	860,200	
24	Nguyễn Thị Thanh Bình		1983		Cao đẳng	V.05.02.08	9	3.46			01/10/2024	V.05.02.08	10	3.66			01/10/2026	1	0.200	506,000	
25	Lê Hồng Giang		1985		Thạc sĩ	V.05.02.08	9	3.46			01/10/2024	V.05.02.08	10	3.66			01/10/2026	1	0.200	506,000	
26	Tô Văn Nguyễn		1984		Đại học	V.05.02.07	5	3.66			01/10/2023	V.05.02.07	6	3.99			01/10/2026	1	0.330	834,900	
27	Phùng Thị Hạnh		1981		Đại học	V.05.02.08	4	3.03			01/10/2023	V.05.02.08	5	3.34			01/10/2026	1	0.310	784,300	
28	Trịnh Việt ánh		1987		Đại học	V.05.02.07	5	3.66			01/10/2023	V.05.02.07	6	3.99			01/10/2026	1	0.330	834,900	
29	Đinh Thế Long		1970		Đại học	01.002	3	5.08			01/10/2023	01.002	4	5.42			01/10/2026	1	0.340	860,200	
30	Phạm Thị Minh Huệ		1981		Thạc sĩ	V.05.01.02	1	4.40			01/10/2023	V.05.01.02	2	4.74			01/10/2026	1	0.340	860,200	
31	Nguyễn Bá Sơn		1978		Thạc sĩ	V.05.01.03	7	4.32			01/10/2023	V.05.01.03	8	4.65			01/10/2026	1	0.330	834,900	
32	Lê Đức Tuấn		1981		Đại học	V.05.02.08	5	3.34			01/10/2023	V.05.02.08	6	3.65			01/10/2026	1	0.310	784,300	
II Viên chức và người lao động được tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung																					
33	Bùi Văn Đức		1970		KhôngBCấp	01.011	12	3.48	8%		01/10/2025	01.011	12	3.48	9%		01/10/2026	1	0.035	88,044	
34	Lê Đức Toàn		1977		KhôngBCấp	01.011	12	3.48	6%		01/10/2025	01.011	12	3.48	7%		01/10/2026	1	0.035	88,044	

<

Trong danh sách này có: 37 người

- Nâng bậc lương thường xuyên: 32 người
- Tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung: 5 người